

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố khoá X, kỳ họp lần thứ 21 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và chủ đề năm 2025 “Năm thành phố tập trung sắp xếp tinh gọn bộ máy gắn với cắt giảm thủ tục hành chính, triển khai hiệu quả thực chức chính quyền đô thị và các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là chính sách) theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung quy định được ban hành, yêu cầu thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các phòng chuyên môn của Sở theo nhiệm vụ được phân

công chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tiếp cận nội dung chính sách hỗ trợ của thành phố.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính là cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách theo đúng quy định. Kịp thời tham mưu, điều chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện để việc thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có phản hồi bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng các phòng chuyên môn của Sở, Chi cục trưởng các Chi cục trực thuộc Sở, Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư nông lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND thành phố Đà Nẵng (báo cáo);
- Hội Nông dân thành phố (để phối hợp);
- Liên minh HTX thành phố (để phối hợp);
- Các Sở, ban, ngành thành phố (để biết);
- UBND các quận, huyện (để phối hợp);
- UBND các xã, phường (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC. QK.

GIÁM ĐỐC

Phạm Nam Sơn

PHỤ LỤC

Quy định về triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn hành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

- a) Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

- a) Các nội dung hỗ trợ theo chính sách này là hỗ trợ sau đầu tư, nhà đầu tư tự huy động nguồn vốn để thực hiện, ngân sách nhà nước hỗ trợ sau khi có khối lượng được nghiệm thu. Khi hạng mục đầu tư được hoàn thành và nghiệm thu thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ đầu tư theo hạng mục đầu tư; sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.
- b) Nhà đầu tư được thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ cung cấp. Trường hợp phát hiện hồ sơ kê khai không trung thực, chính xác thì sẽ bị thu hồi toàn bộ số tiền hỗ trợ và xử lý theo quy định của pháp luật.
- c) Nhà đầu tư được giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư với thời gian sớm nhất theo quy định chung của Nhà nước; được giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.
- d) Ngoài các chính sách hỗ trợ theo quy định này, nhà đầu tư được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong cùng một thời gian, trường hợp nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn chính sách có mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Đối với việc thực hiện các nội dung chính sách từ các nguồn kinh phí lồng ghép của cơ quan, đơn vị thì thực hiện theo quy định hiện hành đối với nguồn kinh phí đó.

II. NỘI DUNG, ĐIỀU KIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay thương mại đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Điều 5)

a) Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Mức lãi suất hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, số tiền hỗ trợ chênh lệch lãi suất vay được hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất và mức hỗ trợ:

- Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập: Thời gian hỗ trợ lãi suất vay tối đa là 08 năm tính từ ngày giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, số tiền hỗ trợ chênh lệch lãi suất vay được hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

- Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: Thời gian hỗ trợ lãi suất vay tối đa là 06 năm tính từ ngày giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, số tiền hỗ trợ chênh lệch lãi suất vay được hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

- Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: Thời gian hỗ trợ lãi suất vay tối đa là 05 năm tính từ ngày giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, số tiền hỗ trợ chênh lệch lãi suất vay được hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

d) Phương thức hỗ trợ

- Ngân sách thành phố hỗ trợ sau khi dự án hoàn thành, đi vào hoạt động, thực hiện giải ngân hỗ trợ lãi suất theo số dư thực tế tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký. Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

- Việc giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp được thực hiện một lần nếu tổng mức hỗ trợ dưới 02 tỷ đồng/dự án và hoàn thành trong thời hạn năm cuối của hợp đồng vay. Trường hợp tổng mức hỗ trợ trên 02 tỷ đồng/dự án thì việc giải ngân được thực hiện nhiều lần và hoàn thành trong thời hạn 03 năm cuối của hợp đồng vay.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);
- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;
- Phương án vay vốn sản xuất kinh doanh được tổ chức tín dụng chấp nhận vay vốn;
- Hợp đồng vay vốn với tổ chức tín dụng
- Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

f) Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Kế hoạch Tài chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

2. Chính sách khuyến khích hỗ trợ hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Điều 6)

a) Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân tham gia liên kết đảm bảo theo Điều 3 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn và quản lý chuỗi liên kết: Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường, tổng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình.

- Hỗ trợ mô hình khuyến nông xây dựng chuỗi liên kết sản xuất: Hỗ trợ 70% giống, thiết bị, vật tư thiết yếu theo định mức khuyến nông. Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/mô hình. Hỗ trợ không quá 03 chu kỳ sản xuất liên tiếp.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/mô hình.

c) Điều kiện hỗ trợ: Các bên tham gia liên kết phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường;

- Liên kết đảm bảo ổn định: Đối với sản phẩm có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm; đối với sản phẩm

có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm;

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Thuyết minh nội dung và dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo quy định chính sách (có bảo giá đính kèm);

- Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

f) Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Quản lý Kỹ thuật và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chuyên canh (rau, củ, quả, hoa, cây cảnh) (Điều 7)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí để đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng, hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt, nhà lưới, nhà kính, thiết bị sản xuất và con giống, phân bón, thuốc phòng trừ bệnh để trồng rau, củ, quả, hoa cây cảnh nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án. Trường hợp dự án có đầu tư hệ thống sơ chế, bảo quản sản phẩm thì được hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Dự án có quy mô diện tích tập trung tối thiểu phải từ 01 ha trở lên, trường hợp sản xuất trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng phải có quy mô tối thiểu 500m² đối với cá nhân và 2.000m² đối với tổ chức.

- Đối với dự án sản xuất rau, củ, quả phải cam kết sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương.

- Phải có thỏa thuận/hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

f) Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến ngư nông lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

4. Hỗ trợ hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái (Điều 7a)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp như sau:

- Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất: Tổ chức, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất ổn định từ 05 năm trở lên để tích tụ, tập trung đất đai thì được hỗ trợ hàng năm 05 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm.

- Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp:

+ Hỗ trợ tiền thuê đất của tổ chức, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp: Mức hỗ trợ 50% tiền thuê đất, tối đa không quá 20 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm tính từ khi thực hiện xong các thủ tục thuê đất và phương án, dự án sản xuất đi vào hoạt động.

+ Đối với dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ 20% theo đơn giá đất nhà nước quy định tại thời điểm nhận chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/ha.

+ Trường hợp thực hiện liên kết bằng cả hai hình thức nêu trên thì được hỗ trợ bằng tổng các mức hỗ trợ theo quy định của chính sách.

- Hỗ trợ 100% phí, lệ phí phục vụ công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp theo quy định hiện hành.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, phương án sản xuất tại các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phân khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch chung của thành phố. Đối với dự án, phương án sản xuất tại các vùng chuyên canh tập trung phải thuộc danh mục định hướng các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Thời gian thuê quyền sử dụng đất, góp vốn quyền sử dụng đất tối thiểu từ 05 năm trở lên, quy mô diện tích tối thiểu là 01 ha/dự án, phương án.

- Có phương án thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và dự án, phương án hoàn thành đưa vào sản xuất.

c) Đối với các dự án đầu tư tại các khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch của thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận”.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;

- Phương án tích tụ, tập trung đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng thuê đất hoặc hồ sơ pháp lý liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

f) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng

5. Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp (Điều 7b)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/máy, thiết bị, chỉ hỗ trợ 01 lần.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp; sơ chế nông sản, lâm sản, thủy sản, chăn nuôi; dịch vụ cơ giới nông nghiệp. Các doanh nghiệp có ký kết thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, dịch vụ cơ giới hóa với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nông dân. Các loại máy, thiết bị phải là máy, thiết bị mới, chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các loại máy móc, thiết bị chưa được hỗ trợ từ các chính sách khác.

c) Danh mục các loại máy, thiết bị được hỗ trợ bao gồm: Các loại máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch trong nông nghiệp; máy sấy nông sản, lâm sản, thủy sản; máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi; máy, thiết bị sản xuất giống, nuôi trồng, thu hoạch thủy sản; máy, thiết bị sơ chế từ phế phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản, chăn nuôi; thiết bị sử dụng chứa, bảo quản nông sản, thủy sản quy mô hộ gia đình; các loại máy kéo, động cơ sử dụng trong các khâu sản xuất nông nghiệp; chế biến nông sản, lâm sản; nuôi trồng, khai thác lâm sản theo quy định của pháp luật; xe ô tô nông dụng đa chức năng”.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách nông nghiệp (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;
- Báo cáo năng lực cơ giới hóa và kiểm tram, đề xuất hỗ trợ cơ giới hóa của UBND cấp xã;
- Báo giá và thuyết minh máy móc thiết bị;
- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

e) Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Quản lý Kỹ thuật và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Hỗ trợ sản xuất nấm thương phẩm, nấm dược liệu (Điều 8)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí để đầu tư nhà xưởng, thiết bị và chi phí sản xuất nấm, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Quy mô diện tích nhà trồng nấm tối thiểu từ 100m² trở lên đối với nấm dược liệu và 200m² trở lên đối với nấm thương phẩm;
- Phải tổ chức sản xuất có thỏa thuận/hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);
- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách (mẫu số 02)
- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);
- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;
- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến ngư nông lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

7. Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao (Điều 9)

a) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% kinh phí để cải tạo hạ tầng, thiết bị, xử lý môi trường, mua con giống, thức ăn, thuốc phòng trừ sâu bệnh để nuôi thâm canh, áp dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản tối thiểu đạt từ 3.000m² và phải nằm trong vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo kế hoạch nuôi trồng thủy sản của UBND cấp huyện.

- Dự án phải cam kết thực hiện sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách (mẫu số 02)

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Biển đảo và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

8. Hỗ trợ trồng cây dược liệu và trồng xen canh cây dược liệu (Điều 10)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án để đầu tư trồng cây dược liệu, trồng xen canh cây dược liệu, trường hợp trồng cây dược liệu trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng thì được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án, phương án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 5.000m², trường hợp trồng xen canh dưới tán rừng thì phải có quy mô diện tích tối thiểu là 02ha và trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 500m² trở lên.

- Cây dược liệu phải thuộc danh mục cây dược liệu do Bộ Y tế ban hành”.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách (mẫu số 02)

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

9. Hỗ trợ đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực (cây rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây mía, chè, cây dược liệu và cây trồng khác) (Điều 11)

a) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí san phẳng đồng ruộng, đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và các thiết bị đi kèm, mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 3.000m² trở lên”.

- Phải áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến, công nghệ tự động để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn”.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách (mẫu số 02)

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Quản lý Tài nguyên nước và Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

10. Hỗ trợ đầu tư cải tạo, di dời, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung nằm trong quy hoạch cơ sở giết mổ của thành phố (Điều 12)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư để cải tạo, di dời, nâng cấp kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và trang thiết bị. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

2. Điều kiện hỗ trợ

- Cơ sở nằm trong quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung của thành phố.

- Bảo đảm các điều kiện về vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách (mẫu số 02)

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng, giống cây lâm nghiệp (Điều 13)

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, mua vật tư, thiết bị công nghệ sản xuất giống, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Cơ sở sản xuất giống có ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gồm: Hệ thống tưới tiết kiệm, hệ thống phối trộn giá thể, máy đóng bầu tự động, máy tra hạt tự động, thiết bị nuôi cấy mô tế bào,...để nâng cao chất lượng sản xuất giống.

- Quy mô sản xuất phải đạt tối thiểu 500.000 cây/năm.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến nông lâm và Kỹ thuật nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

12. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp phục vụ du lịch (Điều 4)

a) Nội dung, mức hỗ trợ

- Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ, bao gồm cả kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất

hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại).

- Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng, tối đa không quá 20 triệu đồng/đối tượng.

- Hỗ trợ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ, chi phí mạ khay, máy cấy, phun thuốc theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/ha/vụ, hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ liên tiếp.

- Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả, cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/ha, hỗ trợ tối đa không quá 02 vụ liên tiếp.

- Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học (gia súc, gia cầm): Hỗ trợ 100% kinh phí mua con giống, chế phẩm, thức ăn theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án/phương án. Đối với dự án/phương án chăn nuôi có lắp đặt hệ thống làm mát, kiểm soát nhiệt độ tự động, bán tự động, lắp đặt hệ thống phân phối thức ăn, nước uống tự động, bán tự động thì được hỗ trợ thêm 50% chi phí, tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án/phương án.

- Hỗ trợ mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, thức ăn, chế phẩm vi sinh xử lý phụ phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và thiết bị sản xuất, xử lý môi trường, tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

- Đối với các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất nông lâm kết hợp gắn với phục vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất theo định mức khuyến nông và chi phí cải tạo cảnh quan, trồng hoa, cây cảnh, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên truyền, quảng bá du lịch, sản phẩm OCOP, đặc trưng, chủ lực, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/mô hình.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Cam kết tổ chức sản xuất tuân thủ theo nguyên tắc và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ đối với các nội dung hỗ trợ theo điểm a, b, c, d, khoản 1 Điều này.

- Quy mô diện tích sản xuất tối thiểu liên vùng là 05ha đối với lúa và 5.000m² đối với cây trồng khác đối với các nội dung hỗ trợ theo điểm a, b, c, d, khoản 1 Điều này.

- Quy mô diện tích cơ sở chăn nuôi có mặt thường xuyên tối thiểu 30 con lợn thịt; 10 con lợn giống; 20 con bò; 30 con dê và quy mô trên 1.000 con đối

với gia cầm, 5.000 con đối với chim cút đối với nội dung hỗ trợ theo điểm đ, khoản 1 Điều này.

- Đối với nội dung hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có kết hợp hoạt động du lịch sinh thái, trải nghiệm theo điểm g, khoản 1 Điều này phải có hạ tầng, cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ hoạt động du lịch và thực hiện đăng ký, nghĩa vụ kinh doanh từng loại hình kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật. Đối với đất lâm nghiệp phải được cấp có thẩm quyền giao hoặc được thuê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;

- Phương án thực hiện mô hình có dự toán chi tiết đính kèm và thuyết minh bản vẽ (nếu có);

- Hồ sơ liên quan đến tính pháp lý đất đai liên quan đến mô hình/dự án sản xuất;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện:

- Chi cục Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng các nội dung: Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ; Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng; Hỗ trợ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ; Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả, cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ; Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học.

- Trung tâm Khuyến ngư nông lâm và Kỹ thuật nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng các nội dung: Hỗ trợ mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị; Hỗ trợ mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất nông lâm kết hợp gắn với phục vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm.

13. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP (Điều 15)

a) Nội dung, mức hỗ trợ

- Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn đánh giá và cấp chứng nhận sản phẩm sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ), hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...): Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa không quá 100 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất theo quy trình hữu cơ, GLOBALGAP; hỗ trợ không quá 50 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGAHP); hỗ trợ không quá 30 triệu đồng đối với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...). Chỉ hỗ trợ đối với chứng nhận lần đầu hoặc chủ thể có hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP.

- Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm OCOP, tối đa không quá 300 triệu đồng/chủ thể, chỉ hỗ trợ 01 lần và máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất chưa được hỗ trợ từ các chính sách khác.

- Hỗ trợ xây dựng liên kết chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện kế hoạch, dự án liên kết theo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 300 triệu đồng/kế hoạch, dự án liên kết.

- Hỗ trợ 100% chi phí thiết lập mã QR code, mã vạch, tối đa không quá 10 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể.

- Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế, in ấn nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm, tối đa không quá 15 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể OCOP.

- Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu và không quá 30 triệu đồng đối với xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

- Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí (thuê, trang trí gian hàng, trang trí, vận chuyển...), tối đa không quá 15 triệu đồng/chủ thể đối với hội chợ, triển lãm trong thành phố; hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ ngoài thành phố và không quá 100 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ nước ngoài, mỗi chủ thể được hỗ trợ không quá 02 lần tham gia/năm.

- Chi thưởng cho các chủ thể có sản phẩm được đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP: sản phẩm đạt hạng 05 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm đạt hạng 04 sao: 15 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm đạt hạng 03 sao: 10 triệu đồng/sản phẩm. Mỗi chủ thể chỉ được thưởng tối đa 05 sản phẩm. Mỗi sản phẩm chỉ được thưởng 01 lần ở cùng mức độ sao được công nhận, trường hợp được công nhận nâng hạng sao thì được nhận thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai mức độ sao.

b) Điều kiện hỗ trợ: Chủ thể (Doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) có sản phẩm được công nhận đạt OCOP từ 03 sao trở lên còn hiệu lực.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách;

- Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP còn hiệu lực;

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Kế hoạch Tài chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng

14. Hỗ trợ xây dựng Trung tâm OCOP, xây dựng/nâng cấp điểm bán hàng sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP (Điều 16)

a) Nội dung, mức hỗ trợ

- Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp điểm bán sản phẩm OCOP, nông nghiệp chủ lực, đặc trưng: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết khác, tối đa không quá 100 triệu đồng/điểm. Riêng đối với chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 03 sao trở lên thực hiện sửa chữa nhỏ, mua giá, kệ, trang trí bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm và các hạng mục khác để trưng bày, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP thì được hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trung tâm OCOP: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng Trung tâm OCOP (xây dựng mới, sửa chữa, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết khác), tối đa không quá 500 triệu đồng/trung tâm OCOP cấp quận, huyện và 01 tỷ đồng/trung tâm OCOP cấp thành phố. Trường hợp chủ thể là các cơ quan, đơn vị của nhà nước thì được đầu tư 100% kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc được sử dụng từ nguồn kinh phí Quỹ hoạt động sự nghiệp (đơn vị sự nghiệp có thu) để đầu tư.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Đảm bảo các tiêu chí về điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo quy định của Bộ Công thương.

- Cam kết thực hiện tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm theo nội dung đầu tư hỗ trợ ít nhất là 05 năm.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chương trình OCOP có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Báo cáo thuyết minh Điểm/trung tâm OCOP kèm dự toán chi tiết kinh phí thực hiện.

- Bảng cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ chính sách

- Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Kế hoạch Tài chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng

III. THỜI GIAN, THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ HỖ TRỢ

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách như sau:

a) Thời gian

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ như sau:

+ Đợt 1: Từ ngày 10 - 30 tháng 3 hàng năm

+ Đợt 2: Từ ngày 10 - 30 tháng 6 hàng năm

+ Đợt 3: Từ ngày 10 - 30 tháng 8 hàng năm

+ Đợt 4: Từ ngày 10 - 30 tháng 9 hàng năm

- Thời gian tổ chức họp Hội đồng thẩm định

+ Đợt 1: Từ ngày 20 - 30 tháng 4 hàng năm

+ Đợt 2: Từ ngày 20 - 30 tháng 7 hàng năm

+ Đợt 3: Từ ngày 20 - 30 tháng 9 hàng năm

+ Đợt 4: Từ ngày 20 - 30 tháng 10 hàng năm

c) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan được giao chủ trì thực hiện các nội dung chính sách tại mục II nêu trên.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với các dự án, mô hình có kinh phí hỗ trợ từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với các dự án, mô hình có kinh phí hỗ trợ dưới 500 triệu đồng.

3. Trình tự thực hiện phê duyệt dự toán, kinh phí hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại mục 2 nêu trên. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ trong thời hạn 10 ngày làm việc đơn vị chủ trì thực hiện có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc các đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, thẩm định nội dung chính sách hỗ trợ (kể cả lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan) và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định, đề xuất cụ thể nội dung, kinh phí hỗ trợ (theo mẫu số 03) gửi về Phòng Kế hoạch Tài chính để tổng hợp, tham mưu tổ chức họp Hội đồng thẩm định xét duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định, Phòng Kế hoạch Tài chính tham mưu họp Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định chính sách. Trường hợp cần thiết Hội đồng có thể đề xuất tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở.

d) Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Phòng Kế hoạch Tài chính tổng hợp, đề xuất như sau:

- Đối với hồ sơ hỗ trợ của tổ chức, cá nhân kinh phí từ 500 triệu đồng trở lên, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định (mẫu số 04).

- Đối với hồ sơ hỗ trợ của tổ chức, cá nhân có kinh phí hỗ trợ dưới 500 triệu đồng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân (mẫu số 04).

- Tham mưu văn bản thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân đối với hồ sơ chưa đảm bảo điều kiện hỗ trợ (mẫu số 05).

4. Nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợ

a) Thành phần hồ sơ: Số lượng 02 bộ, gồm:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân (mẫu số 06).

- Văn bản phê duyệt kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt.

- Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, hóa đơn, chứng từ thanh toán và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, mô hình đã triển khai.

- Biên bản nghiệm thu chính sách hỗ trợ (mẫu số 07)

- Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề nghị nghiệm thu.

- Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ (mẫu số 08).

b) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Sau khi hoàn thành các nội dung theo chính sách hỗ trợ, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiệm thu gửi về đơn vị chủ trì thực hiện các nội dung hỗ trợ theo phân công tại mục II để chủ trì tổ chức nghiệm thu.

- Trên cơ sở văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân, trong thời hạn 07 ngày làm việc, đơn vị được phân công chủ trì tổ chức nghiệm thu và có báo cáo kết quả nghiệm thu chính sách hỗ trợ kèm theo Biên bản nghiệm thu.

- Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục được nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt và kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (mẫu số 07).

- Căn cứ kết quả nghiệm thu, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán, Phòng Kế hoạch Tài chính có nhiệm vụ kiểm tra và tham mưu Giám đốc Sở có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ, Phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện giải ngân kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

c) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ, giải ngân cho tổ chức, cá nhân được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

khanhq-14/04/2025 17:28:26-khanhq-khanhq-khanhq

Phụ lục
BIỂU MẪU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 02	Thuyết minh đề nghị hỗ trợ chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 03	Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 05	Thông báo tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hỗ trợ
Mẫu số 06	Công văn đề nghị nghiệm thu kết quả hỗ trợ
Mẫu số 07	Biên bản nghiệm thu kết quả hỗ trợ chính sách
Mẫu số 08	Đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng**

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân:.....

Loại hình tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax.....

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt
động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng minh nhân dân số.....
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....).**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ**

1. Tên mô hình/sản phẩm OCOP.....

2. Lĩnh vực đầu tư:.....

3. Địa điểm thực hiện:.....

4. Mục tiêu và quy mô:.....

5. Tổng vốn đầu tư :.....

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....

7. Số lao động sử dụng bình quân trong năm:.....

8. Tiến độ thực hiện mô hình dự kiến:.....

II. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH**1. Nội dung đề nghị hỗ trợ**

TT	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Chính sách				

2	Chính sách				
	Tổng cộng				

2. Giải trình chi tiết các nội dung đề nghị hỗ trợ (ghi chi tiết số lượng, nội dung, dự toán kinh phí và cách thức triển khai từng chính sách khi được hỗ trợ)

.....

III. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CAM KẾT

1. Cam kết về tính chính xác, hợp lý của những thông tin đã đề nghị hỗ trợ.
2. Nếu được hỗ trợ sẽ cam kết đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện các nội dung theo chính sách hỗ trợ.
3. Sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung chính sách hỗ trợ./.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Nơi nhận:

Chức danh người đại diện tổ chức, cá nhân

-
 -

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:.....

Xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện đầu tư (xác minh về tính pháp lý của tổ chức, cá nhân, nội dung đề xuất hỗ trợ tại địa phương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

*(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)*

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án
3. Cơ sở pháp lý

CHƯƠNG II: SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
3. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

CHƯƠNG III: ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, môi trường
3. Hiện trạng nơi sản xuất
4. Nhận xét chung

CHƯƠNG IV: QUY MÔ - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Quy mô đầu tư dự án
2. Hạng mục công trình - thiết bị
3. Thời gian thực hiện dự án
4. Quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất

CHƯƠNG V: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Nội dung tổng mức đầu tư
2. Phân nguồn vốn đầu tư
3. Vốn đề nghị hỗ trợ theo chính sách (chi tiết nội dung, hạng mục và mức hỗ trợ cụ thể)

CHƯƠNG VI: HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
2. Tính toán chi phí của dự án
3. Doanh thu từ dự án
4. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án
5. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

CHƯƠNG VIII: KẾT LUẬN

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

khanh1q-14/04/2025 17:28:26-khanh1q-khanh1q

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng năm của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo;

Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định kết quả hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư vào mô hình theo quy định tại chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. HỒ SƠ THẨM ĐỊNH

1. Giấy đề nghị số:
2. Báo cáo mô hình:
3. Biên bản kiểm tra thực tế (nếu có):
4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án/phương án:
2. Chủ đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô mô hình (mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng...):
4. Địa điểm thực hiện mô hình:
5. Dự kiến tổng mức đầu tư mô hình:
6. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
7. Thời gian thực hiện:
8. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:
- Mức hỗ trợ:
- Thời gian hỗ trợ:

2. Ý kiến khác:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm định nội dung đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; Hội đồng thẩm định kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham gia Hội đồng
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: Sở NN&PTNT, HD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số ngày .../.../... của Hội đồng thẩm định chính sách
hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn)

TT	Tổ chức, cá nhân	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (tr.đồng)	Kinh phí hỗ trợ theo Hội đồng thẩm định (triệu đồng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ	Ghi chú
1		1..... 2.....				
2		1..... 2.....				
3		1..... 2.....				
4		1..... 2.....				
						

TÊN CƠ QUAN

.....

Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đợt
.....năm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN/GIÁM ĐỐC SỞ

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số/2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách của Hội đồng thẩm định tại Văn bản sốngày tháng năm;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn đợtnămtheo phụ lục chi tiết đính kèm.

Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo

Điều 2. Giao Phòng chủ trì và phối hợp với triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố và quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ chủ động liên hệ với Phòng để làm thủ tục triển khai và thanh toán tiền hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 4. Chánh Văn phòng, các phòng, đơn vị liên quan và các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Kho bạc nhà nước ...;
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số ngày .../.../... của)

TT	Tổ chức, cá nhân	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (tr.đồng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ	Ghi chú
1		1..... 2.....			
2		1..... 2.....			
3		1..... 2.....			
4		1..... 2.....			
					

TÊN ĐƠN VỊ

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-SNN

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Danh sách tổ chức, cá nhân không đủ
điều kiện hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đợtnăm
.....**

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số/2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách của Hội đồng thẩm định tại Văn bản sốngày tháng năm;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo danh sách tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hỗ trợ đợt năm như sau:

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Lý do không được hỗ trợ
1			
2			
			

Ủy ban nhân dân huyệnthông báo để các chủ trang trại được biết./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân theo danh sách;
- UBND các quận, huyện
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v đề nghị nghiệm thu kết quả
hỗ trợ chính sách nông nghiệp,
nông thôn

...,ngày.....tháng....năm.....

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ văn bản phê duyệt kết quả hỗ trợ tại văn bản

Đến nay đã thực hiện xong nội dung chính sách hỗ trợ và kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nghiệm thu kết quả hỗ trợ với các nội dung sau:

- Thời gian:

- Địa điểm:

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ HỖ TRỢ

Hôm nay, ngày tháng năm

Địa điểm:

Đã thực hiện nghiệm thu kết quả hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn theo đề nghị tại văn bản số ngày .../.../..., cụ thể như sau:

I. Các bên tham gia nghiệm thu:

1. Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

2. Đại diện đơn vị mời dự

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

3. Tổ chức, cá nhân:.....

- Ông/bà

- Chỗ ở hiện tại:.....

43. Đại diện đơn vị nhận thầu (trường hợp đấu thầu công việc thực hiện):

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

II. Thống nhất nghiệm thu kết quả hỗ trợ đã hoàn thành như sau:

1. Khối lượng hoàn thành:

..... (chi tiết từng nội dung đã thực hiện).

2. Khối lượng không thực hiện:

..... (chi tiết từng nội dung không thực hiện. Lý do).

3. Đề nghị được thanh toán tiền hỗ trợ như sau:

- Khối lượng hoàn thành 1 x đơn giá = đồng.

- Khối lượng hoàn thành 2 x đơn giá = đồng.

Tổng số tiền đề nghị thanh toán:(Viết bằng chữ).

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên tham gia nghiệm thu giữ 01 bản và 01 bản để thanh toán kết quả hỗ trợ.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

ĐƠN VỊ MỜI DỰ

PHỤ LỤC CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU
 (Kèm theo Biên bản nghiệm thu số /BB-NT ngày tháng năm)

Hạng mục/nội dung	Đơn vị tính	Theo QĐ hỗ trợ		Nghiệm thu		Ghi chú
		Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị	
Tổng cộng						

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố và Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ văn bản số

Tên tổ chức, cá nhân.....

Địa chỉ:

Đề nghị được thanh toán tiền hỗ trợ như sau:

- Nội dung hỗ trợ:

+

+

- Số tiền đề nghị thanh toán:.....(Viết bằng chữ):.....

- Tài khoản chuyển tiền thanh toán:

Tên chủ tài khoảnsố tài khoản tại.....

- Hồ sơ kèm theo gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kết quả hỗ trợ chính sách

+¹

+²

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC HỖ TRỢ

(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định của Chương trình, dự án có chính sách được hưởng.

² Tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định của Kho bạc Nhà nước.

